TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2022/HC-PT
Ngày 18 - 8 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Lê Thành Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà M Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 238/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2021/HC-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3522/2022/QĐPT ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1963.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 19, Tổ 13 P, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Lê Đình T, sinh năm 1975; địa chỉ: 227 Gò Dưa, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972; địa chỉ: 306 Phan Chu Trinh, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 28/01/2021)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: 01 P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

1. Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường (có mặt).

2. Ông Phan Huy H – chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hạt kiểm lâm thành phố V.

Địa chỉ: số 02 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, bà Nguyễn Thị Hoa M, sinh năm 1979; địa chỉ: số 7 Tổ 13, P, phường 11, thành phố V (có mặt).

Người kháng cáo: Người bị kiện UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2310/QĐ.UBT ngày 09/10/1996; Quyết định số 2564/QĐ.UBT ngày 31/10/1996; Quyết định số 2780/QĐ.UBT, Quyết định số 2786/QĐ.UBT ngày 22/11/1996; về việc thu hồi đất tại Chí Linh, phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH May sản xuất thương mại và xây dựng Minh Phụng để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch.

Theo các quyết định nêu trên, hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H bị thu hồi đất với diện tích: 5.712,3 m^2, gồm: thửa 185 (diện tích 420m^2) tờ bản đồ số 47, thửa 133 (diện tích 4.010m^2) tờ bản đồ số 48 và diện tích 1.282,3m^2 không đăng ký sử dụng thuộc phường 11, thành phố V.

Ngày 09/5/1998, UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 1091/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 50 hộ, thuộc khu vực phường 10, phường 11, thành phố V phải giải tỏa, giao đất cho Cty TNHH Minh Phụng để thanh toán số tiền mà Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Trong đó có hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H, diện tích đất được bồi thường 4.430,0m^2, nhà và vật kiến trúc với số tiền bồi thường 133.239.600 đồng *(tạm giữ tiền)* và diện tích đất không được bồi thường 1.282,3m^2.

Công văn 3448/UB-VP ngày 10/9/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cho phép chi trả tiền bồi thường cho hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị

Ngọc H với diện tích 420,0m^2 đất, nhà và vật kiến trúc *(số tiền bồi thường 19.957.100 đồng).*

Theo tờ trình số 07/TT-BCĐTHĐ ngày 11/1/2000 của Ban chỉ đạo thu hồi đất tỉnh thì diện tích đất 4010,0m^2 do ngành Lâm nghiệp quản lý đã tạm tính cho ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H, đề nghị thu hồi nộp vào Ngân sách với số tiền là: 113.282.500 đồng và diện tích đất 4010,0m^2 đất nhà nước không được bồi thường.

Không đồng ý, gia đình ông N kiến nghị yêu cầu: Bồi thường đất diện tích 5.292,3m^2 và giao đất ở tái định cư.

Ngày 30/5/2019, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 5146/UBND-VP (Văn bản 5146) về việc giải quyết kiến nghị của hộ ông Trần Văn N liên quan đến khu đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam Trong đó có kết luận:

+ Không bồi thường diện tích 1.282,3 m^2 đất theo điều 6, điều 7 của quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định đền bù giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định: *"đất sử dụng không đăng ký với chính quyền địa phương, khi Nhà nước thu hồi đất không được đền bù".*

+ Không bồi thường diện tích đất 4.010m^2 do bao chiếm đất Lâm nghiệp theo văn bản số 115/CV.KL ngày 08/7/1998 của Hạt kiểm lâm thành phố V về việc xác nhận đất lâm nghiệp tại khu vực phường 10, phường 11 giao cho đơn vị Minh Phụng và Thuận Hưng và văn bản số 1269/SĐC-TTr ngày 29/10/1998 của Sở Địa chính về việc kiểm tra việc sử dụng đất của 30 hộ dân có liên quan đến đất do ngành Lâm nghiệp quản lý tại khu vực phường 10, phường 11.

+ UBND tỉnh đồng ý giao 01 suất đất ở cho hộ ông Trần Văn N.

Ngày 07/8/2019 hộ ông Trần Văn N có đơn kiến nghị bổ sung với nội dung đề nghị giao thêm 01 lô đất ở. Ngày 27/4/2020, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 4131/UBND-VP về việc giải quyết kiến nghị bổ sung của hộ ông Trần Văn N (Văn bản 4131) liên quan đến khu đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Trong đó có kết luận: UBND tỉnh đồng ý giao 01 suất đất ở cho con của ông Trần Văn N là ông Trần Minh Hoà.

Không đồng ý, ông N bà H khởi kiện tại Tòa án.

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất: do bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1935 – hiện còn sống) được UBND Cách mạng phường Phước Thắng cấp, theo Giấy chứng nhận do Chủ tịch UBND phường (ông Lê Văn Bá) ký và đóng dấu ngày 24/10/1975 (số lô 125A, diện tích: ngang 20m x dài 250m). Bà Bỉnh canh tác trên đất và có đóng thuế sử dụng đất cho Nhà nước.

Năm 1984, bà Nguyễn Thị B nhượng lại phần đất trên cho ông N, bà H

(diện tích 5.000m^2). Trong quá trình sử dụng đất gia đình ông N, bà H có khai phá thêm phần diện tích đất liền kề. Gia đình ông N, bà H có đóng thuế cho Nhà nước đối với diện tích đất đang sử dụng.

Năm 1993, do có hoàn cảnh khó khăn (sợ phải đóng thuế nhiều), lại thiếu hiểu biết pháp luật nên ông N, bà H chỉ đăng ký sử dụng đất với UBND phường 11 diện tích 4.010m^2 (khi bị thu hồi đo thực tế là 5.712,3m^2), nhưng chưa được cấp Giấy CNQSD đất, do được xác định có tranh chấp với đất Kiểm lâm quản lý.

Ngày 25/8/1999, do cuộc sống khó khăn vợ chồng ông N, bà H sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Hoa M bằng giấy tay. Ông H, bà M có đóng thuế sử dụng đất cho Nhà nước, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Do vậy, các hồ sơ thu hồi, bồi thường đất hiện vẫn mang tên vợ chồng ông N, bà H (do có đăng ký sử dụng đất năm 1993).

Trong quá trình quản lý, sử dụng đất gia đình ông H, bà M tự làm căn nhà tạm trên đất dùng để ở trông coi hoa màu. Theo thời gian, căn nhà xuống cấp, dột nát nên ông H, bà M sửa chữa lại căn nhà trên.

Do vậy, UBND Tỉnh căn cứ vào Văn bản số 115/CV.KL ngày 08/7/1998 là của Hạt kiểm lâm TP. Vũng Tàu nên cho rằng "người dân bao chiếm sử dụng đất lâm nghiệp" là thiếu khách quan và thuyết phục.

Ngày 19-8-2020, ông N, bà H khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần văn bản số 5146/UBND ngày 30/5/2019 và một phần văn bản số 4131/UBND-VP ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phần về nội dung không bồi thường diện tích đất 5.292,3m^2 (trong đó có 1.282,3m^2 không đăng ký sử dụng và 4.010m^2 thuộc đất do ngành Lâm nghiệp quản lý); Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi thu hồi diện tích đất 5.712,3m^2 .

Ngày 06-6-2021, ông N, bà H rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu: Hủy một phần văn bản số 5146/UBND ngày 30/5/2019 và một phần văn bản số 4131/UBND-VP ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phần về nội dung không bồi thường diện tích đất 4.010m^2 thuộc đất do ngành Lâm nghiệp quản lý; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất 4.010m^2.

Người bị kiện UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản ý kiến. người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

I. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

- Diện tích đất đăng ký sử dụng: 4.430m^2 gồm 02 thửa đất, cụ thể như sau:

+ Thửa 185 (diện tích 420m^2) tờ bản đồ số 47, Phường 11, thành phố V: do gia đình ông Trần Văn Chính tự khai phá năm 1976, sử dụng đến năm 1992 cho cháu là Trần Văn N sử dụng liên tục đến thời điểm thu hồi đất.

+ Thửa 133 (diện tích 4.010m^2) tờ bản đồ số 48, Phường 11, thành phố V: đất do ngành lâm nghiệp quản lý trồng rừng vào năm 1986, ông Trần Văn N bao chiếm sử dụng và đăng ký sử dụng đất với UBND phường 11 vào năm 1993.

II. Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết kiến nghị:

1/Về thu hồi đất:

UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2310/QĐ.UBT ngày 09/10/1996; Quyết định số 2564/QĐ.UBT ngày 31/10/1996; Quyết định số 2780/QĐ.UBT, Quyết định số 2786/QĐ.UBT ngày 22/11/1996; về việc thu hồi đất tại Chí Linh, phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH May sản xuất thương mại và xây dựng Minh Phụng để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch.

Theo các quyết định nêu trên, hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H bị thu hồi đất với diện tích: 5.712,3 m^2, gồm: thửa 185 (diện tích 420m^2) tờ bản đồ số 47, thửa 133 (diện tích 4.010m^2) tờ bản đồ số 48 và diện tích 1.282,3m^2 không đăng ký sử dụng thuộc phường 11, thành phố V.

2/Về bồi thường:

Ngày 09/5/1998, UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 1091/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 50 hộ, thuộc khu vực phường 10, phường 11, thành phố V phải giải tỏa, giao đất cho Cty TNHH Minh Phụng để thanh toán số tiền mà Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Trong đó có hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H, diện tích đất được bồi thường 4.430,0m^2, nhà và vật kiến trúc với số tiền bồi thường 133.239.600 đồng *(tạm giữ tiền)* và diện tích đất không được bồi thường 1.282,3m^2.

Do đó, tại công văn 3448/UB-VP ngày 10/9/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cho phép chi trả tiền bồi thường cho hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H với diện tích 420,0m^2 đất, nhà và vật kiến trúc *(số tiền bồi thường 19.957.100 đồng).* Theo tờ trình số 07/TT-BCĐTHĐ ngày 11/1/2000 của Ban chỉ đạo thu hồi đất tỉnh thì diện tích đất 4010,0m^2 do ngành Lâm nghiệp quản lý đã tạm tính cho ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H, đề nghị thu hồi nộp vào Ngân sách với số tiền là: 113.282.500 đồng và diện tích đất 4010,0m^2 đất nhà nước không được bồi thường. Hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H đã nhận đủ số tiền (19.957.100 đồng*)* và không còn khiếu nại tại Biên bản chi trả tiền đền bù của Hội đồng đền bù thành phố V ngày 16/9/1999.

3/ Về giải quyết kiến nghị:

Ngày 11/4/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường có Thông báo số: 243/TCT-STNMT ngày 11/4/2019 kết luận cuộc họp về xử lý kết quả đối thoại của 20 trường hợp khiếu nại, kiến nghị trên đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công thương Việt Nam thuộc khu vực phía Đông đường 3 tháng 2 thành phố V của Tổ công tác theo Quyết định 2137. Nội dung kiến nghị của hộ ông Trần Văn

N giữ nguyên kiến nghị theo phiếu kiểm tra ngày 8/1/2007 gồm: Bồi thường đất diện tích: 5.292,3m^2 và giao đất ở tái định cư. Ngày 30/5/2019, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 5146/UBND-VP về việc giải quyết kiến nghị của hộ ông Trần Văn N liên quan đến khu đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Trong đó có kết luận: Không bồi thường đất diện tích: 5.292,3m^2 và UBND tỉnh đồng ý giao 01 suất đất ở cho hộ ông Trần Văn N.

Ngày 07/8/2019 hộ ông Trần Văn N có đơn kiến nghị bổ sung với nội dung đề nghị giao thêm 01 lô đất ở. Ngày 27/4/2020, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản số 4131/UBND-VP về việc giải quyết kiến nghị bổ sung của hộ ông Trần Văn N liên quan đến khu đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Trong đó có kết luận: UBND tỉnh đồng ý giao 01 suất đất ở cho con của ông Trần Văn N là ông Trần Minh Hoà.

* Kết quả xác minh cho thấy:

Sở Tài nguyên và Môi trường có báo cáo tại Văn bản số 135/BC-STNMT ngày 16/05/2019 báo cáo và đề xuất UBND tỉnh:

Diện tích đất ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H đề nghị bồi thường: 5.292,3m^2 gồm:

Về diện tích đất: 1.282,3m$^{2.}$ Đây là diện tích đất ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H không đăng ký sử dụng đất với UBND phường 11, thành phố V. Do đó, căn cứ Điều 6, Điều 7 của Quyết định số: 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định đền bù giải toả khi Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bà rịa – Vũng Tàu quy định: *'Đất sử dụng không đăng ký với chính quyền địa phương, khi Nhà nước thu hồi đất không được đền bù"*. Do đó tại thời điểm thu hồi đất không tính bồi thường diện tích này là đúng quy định; Yêu cầu của ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H về đề nghị bồi thường diện tích 1.282,3m^2 đất là không có cơ sở chấp nhận.

Về diện tích đất: 4010,0m^2 **,** thửa 133, tờ bản đồ số: 48. Đây là phần đất lâm nghiệp trồng rừng do ngành Lâm nghiệp quản lý (được xác nhận theo văn bản số: 115/CV.KL ngày 08/7/1998 của Hạt kiểm lâm thành phố V về việc xác nhận đất lâm nghiệp tại khu vực phường 10, phường 11 giao cho đơn vị Minh Phụng và Thuận Hưng và Văn bản số: 1269/SĐC-TTr ngày 29/10/1998 của Sở Địa chính về việc kiểm tra việc sử dụng đất của 30 hộ dân có liên quan đến đất do ngành Lâm nghiệp quản lý tại khu vực phường 10 và phường 11, ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H bao chiếm sử dụng và đăng ký sử dụng đất với UBND phường 11). Do đó, căn cứ Điều 6 và Điều 7 của Quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu quy định: *"không bồi thường diện tích đất lấn chiếm trái phép"* thì nội dung yêu cầu của ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H về bồi thường diện tích 4010,0m^2 đất là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, việc ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu hủy bỏ một phần Văn bản số 5146/UBND-VP ngày 30/5/2019 và một phần Văn bản số

4131/UBND-VP ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là không có cơ sở để chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Hoa M thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hạt kiểm lâm thành phố V, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2021/HCST ngày 29 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 21, Điều 27 Luật Đất đai năm 1993; Điều 2 Quy định về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Nghị định số 90/CP ngày 17-8-1994 của Chính Phủ; Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24-4-1998 của Chính Phủ

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Hủy một phần Văn bản số 5146/UBND ngày 30/5/2019 và một phần Văn bản số 4131/UBND-VP ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phần về nội dung không bồi thường diện tích đất 4.010m^2 do thuộc đất ngành lâm nghiệp quản lý;

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất 4.010m^2 cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H, yêu cầu hủy một phần văn bản số 5146/UBND ngày 30/5/2019 và một phần văn bản số 4131/UBND-VP ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phần về nội dung không bồi thường diện tích đất 1.282,3m^2 do không đăng ký sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có đơn kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về việc tuyên "Buộc UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu" phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4.101m^2 cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H" do phần diện tích trên là diện tích lấn chiếm đất Nhà nước trực tiếp quản lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện người bị kiện có đơn xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tranh luận: Như tại nhận định tại mục 4.2 của bản án thì ông N, bà H khai báo nội dung chuyển nhượng từ năm 1984 nhưng đến năm 2010 mới có giấy cam kết sang nhượng được UBND phường 11 xác nhận trong khi đó việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng kéo dài từ năm 1996-1999 nhưng không xuất hiện giấy này. Tại Biên bản họp tổ dân phố ngày 28/4/1993 thể hiện nội dung bà Bỉnh nhượng lại đất cho ông N vào năm 1984 là phần đất được UBND cách mạng phường Phước Thắng cấp giấy chứng nhận tạm chia đất để sản xuất, lô đất động 3, lô số 125A, diện tích ngang 20m x dài 250 m cho bà Nguyễn Thị B ngày 24/10/1975 (từ cây cầy đến chân động), phần đất từ chân động trở về sau khoảng 4.000m^2 có cây chồi và cây dương do Kiểm lâm trồng. Biên bản phúc tra ngày 03/8/1998 của Tiểu ban chỉ đạo thu hồi đất thành phố V có ông N xác nhận toàn bộ diện tích đất 4.010m^2 đất nằm trên đồi, có một số gốc dương đã bị chặt. Như vậy, xác định diện tích 4.010m^2 đất thuộc đất do ngành Lâm nghiệp quản lý, không phải phần đất được UBND Cách mạng phường Phước Thắng cấp giấy chứng nhận tạm chia đất để sản xuất cho bà Nguyễn Thị B ngày 24/10/1975. Tại công văn 3448/UB-VP ngày 10/9/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cho phép chi trả tiền bồi thường cho hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H với diện tích 420,0m^2 đất, nhà và vật kiến trúc *(số tiền bồi thường 19.957.100 đồng).* Theo tờ trình số 07/TT-BCĐTHĐ ngày 11/1/2000 của Ban chỉ đạo thu hồi đất tỉnh thì diện tích đất 4010,0m^2 do ngành Lâm nghiệp quản lý đã tạm tính cho ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H, đề nghị thu hồi nộp vào Ngân sách với số tiền là: 113.282.500 đồng và diện tích đất 4010,0m^2 đất nhà nước không được bồi thường. Hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H đã nhận đủ số tiền (19.957.100 đồng*)* và không còn khiếu nại tại Biên bản chi trả tiền đền bù của Hội đồng đền bù thành phố V ngày 16/9/1999. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về phần "Buộc UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4.101m^2 cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H".

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì đây là đất của bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng có ông N, bà H. Quá trình sử dụng đất ông N, bà H có khai phá thêm phần diện tích đất liền kề, có đóng thuế cho Nhà nước không có việc ông N lấn chiếm đất do ngành lâm nghiệp quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Đối với diện tích 4.010m^2 có nguồn gốc đất của bà Bỉnh sử dụng theo giấy chứng nhận cấp đất sản xuất năm 1976, do vậy đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người khởi kiện đã rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung không bồi thường diện tích 1.282,3m^2 không đăng ký sử dụng. Tòa án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông N, bà H về phần này là đúng quy định.

[2.2] Xét diện tích 4.010m^2 người khởi kiện yêu cầu bồi thường:

UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2310/QĐ.UBT ngày 09/10/1996; Quyết định số 2564/QĐ.UBT ngày 31/10/1996; Quyết định số 2780/QĐ.UBT, Quyết định số 2786/QĐ.UBT ngày 22/11/1996; về việc thu hồi đất tại Chí Linh, phường 11, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty TNHH May sản xuất thương mại và xây dựng Minh Phụng để sử dụng theo yêu cầu quy hoạch.

Theo các quyết định nêu trên, hộ ông (bà) Trần Văn N - Nguyễn Thị Ngọc H bị thu hồi đất với diện tích: 5.712,3 m^2, gồm: thửa 185 (diện tích 420m^2) tờ bản đồ số 47, thửa 133 (diện tích 4.010m^2) tờ bản đồ số 48 và diện tích 1.282,3m^2 không đăng ký sử dụng thuộc phường 11, thành phố V.

Tòa án sơ thẩm căn cứ vào:

- Giấy chứng nhận tạm chia đất để sản xuất, lô đất động 3, số lô 125A, diện tích ngang 20m x 250m do UBND Cách mạng phường Phước Thắng cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 24/10/1975.

- Biên bản họp tổ dân phố ngày 28-4-1993 (có xác nhận của Hội Nông dân Phường 11)

- Giấy sang nhượng ngày 19-4-2010 và Giấy cam kết có xác nhận của UBND Phường 11 ngày 27-4-2010

Để xác định diện tích đất 4.010m^2, thửa 133 tờ bản đồ số 48, Phường 11, thành phố V có nguồn gốc do bà Bỉnh canh tác, sử dụng từ năm 1975. Năm 1984, bà Bỉnh chuyển nhượng cho ông N tiếp tục sử dụng liên tục đến thời điểm thu hồi đất.

Phía người bị kiện kháng cáo cho rằng diện tích của bà Bỉnh được UBND cách mạng phường Phước Thắng cấp giấy chứng nhận tạm chia đất để sản xuất năm 1975 có vị trí từ cây cầy đến chân động, còn phần đất từ chân động trở về sau khoảng hơn 4.000m^2 có cây chồi và cây dương do Kiểm lâm trồng. Biên bản phúc tra ngày 03/8/1998 của Tiểu ban chỉ đạo thu hồi đất thành phố V có ông Trần Văn N xác định toàn bộ diện tích 4.010m^2 đất nằm trên đồi. Như vậy, phần diện tích 4.010m^2 thuộc đất đồi do ngành Lâm nghiệp quản lý chứ không phải phần đất được UBND phường Phước Thắng cấp cho bà Bỉnh vào năm 1975.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại Biên bản họp tổ dân phố ngày 28-4-1993 (có xác nhận của Hội Nông dân Phường 11) nội dung về việc bà Bỉnh nhượng lại 1 phần đất cho ông N vào năm 1984 và thể hiện một phần còn lại và khai phá thêm thì Kiểm Lâm trồng dương chồng lấn lên đất của bà Bỉnh.

Người bị kiện cho rằng diện tích đất 4010m^2 là đất lâm nghiệp trồng rừng do Hạt kiểm lâm thành phố V quản lý, tuy nhiên không có tài liệu địa chính nào thể hiện là đất rừng, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông N có vi phạm lấn chiếm đất rừng.

Hạt kiểm lâm thành phố V căn cứ vào Bản đồ thiết kế trồng rừng được Sở Nông lâm thủy sản Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo phê duyệt năm 1986 để xác định đất ông N sử dụng là đất rừng. Tuy nhiên, Bản đồ này được phê duyệt sau thời điểm bà Bỉnh, ông N sử dụng đất 11 năm.

Bà Bỉnh, sau này là gia đình ông N sử dụng diện tích đất 4.010m^2, thửa 133 tờ bản đồ số 48, Phường 11 từ năm 1975, đến năm 1986 có bản đồ thiết kế trồng rừng giao cho Kiểm lâm quản lý nhưng không có quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng đất hợp pháp. Tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993 quy định: *"Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó".* Như vậy, UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ban hành văn bản giao diện tích đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất. Thực tế cho đến thời điểm thu hồi đất để giao cho Công ty Minh Phụng thì diện tích đất trên gia đình ông N vẫn trực tiếp canh tác, sử dụng; Hạt kiểm lâm không thể hiện sự quản lý của mình đối với diện tích đang khiếu nại.

Gia đình ông N sử dụng diện tích có nguồn gốc của bà B được cấp từ năm 1976, có kê khai đăng ký từ năm 1993, sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp đến thời điểm thu hồi đất. Căn cứ quy định tại Điều 27 Luật Đất đai năm 1993; Điều 2 Quy định về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Nghị định số 90/CP ngày 17-8-1994 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24-4-1998 của Chính phủ thì diện tích đất

4.010m^2, thửa 133 tờ bản đồ số 48 do ông N sử dụng đủ điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất khi nhà nước thu hồi đất.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, người bị kiện kháng cáo không có cơ sở chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 21, Điều 27 Luật Đất đai năm 1993; Điều 2 Quy định về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Nghị định số 90/CP ngày 17-8-1994 của Chính Phủ; Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24-4-1998 của Chính Phủ

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Hủy một phần Văn bản số 5146/UBND ngày 30/5/2019 và một phần Văn bản số 4131/UBND-VP ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phần về nội dung không bồi thường diện tích đất 4.010m^2 do thuộc đất ngành lâm nghiệp quản lý;

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất 4.010m^2 cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H, yêu cầu hủy một phần văn bản số 5146/UBND ngày 30/5/2019 và một phần văn bản số 4131/UBND-VP ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phần về nội dung không bồi thường diện tích đất 1.282,3m^2 do không đăng ký sử dụng.

II. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc H 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007082 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

III. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo Biên lai số 0000158 ngày 25/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự (4)
- Lưu VP (6). HS (16). (MTTT)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên